

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**\*\*\***

****

**HỒ SƠ MẪU**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y**

##### Thái Nguyên, năm 2022

***Võ Nhai, tháng 10 năm 2018***

**3. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | - Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công, trực tuyến tại cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh hoặc qua đường bưu điện qua dịch vụ BCCI.  - Bước 2: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ quyết định việc cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y; trường hợp không cấp, gia hạn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. |
| **Cách thức thực hiện** | Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công, trực tuyến tại cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh hoặc qua đường bưu điện qua dịch vụ BCCI |
| **Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ** | 1) Trường hợp cấp, cấp lại do Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn  - Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo Mẫu 01 của Phụ lục II Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016;  - Bản chính Mô tả tóm tắt về cơ sở theo Mẫu số 02 của Phụ lục II Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016.  2)  Trường hợp Giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY  - Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận VSTY theo Mẫu 01 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 bộ |
| **Thời hạn giải quyết** | - 15 ngày làm việc đối với trường hợp cấp, cấp lại do Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn  - 05 ngày làm việc đối với trường hợp Giấy chứng nhận vệ sinh thú y bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận vệ sinh thú y. |
| **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính** | Tổ chức, Cá nhân |
| **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính** | Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tỉnh Thái Nguyên |
| **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính** | Chứng chỉ hành nghề thú y - Chứng chỉ hành nghề thú y có giá trị 05 năm. |
| **Phí** | 1. Phí thẩm định: 1. 1.000.000 đồng/lần;  2. Kiểm tra điều kiện vệ sinh Thú y đối với cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ cơ sở thu gom động vật: 450.000 đồng/ lần. |
| **Lệ phí** | Không |
| **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai** | Đơn đăng ký cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y |
| **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** | - Người hành nghề chẩn đoán, chữa bệnh, phẫu thuật động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y tối thiểu phải có bằng trung cấp chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc trung cấp nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản. Người hành nghề tiêm phòng cho động vật phải có chứng chỉ tốt nghiệp lớp đào tạo về kỹ thuật do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp tỉnh cấp.  - Người phụ trách kỹ thuật của cơ sở phẫu thuật động vật, khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật phải có bằng đại học trở lên chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản.  - Người buôn bán thuốc thú y phải có bằng trung cấp trở lên chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc trung cấp nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản.  - Chứng chỉ hành nghề thú y về tiêm phòng, chẩn đoán, chữa bệnh, phẫu thuật động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y được sử dụng trong phạm vi cả nước. Cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề không ghi vào Mục địa Điểm hành nghề;  - Chứng chỉ hành nghề thú y của người phụ trách kỹ thuật tại cơ sở phẫu thuật động vật, khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật, buôn bán thuốc thú y được sử dụng trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  - Người hành nghề phải có đạo đức nghề nghiệp;  - Người hành nghề có đủ sức khỏe hành nghề. |
| **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính** | - Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015;  - Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y;  - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, lệ phí trong công tác thú y. |

**Mẫu 01: Giấy chứng nhận ĐK VSTY**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT  TỈNH THÁI NGUYÊN CHI CỤC CHĂN NUÔI,THÚ Y VÀ THỦY SẢN Số: **……**  /CNTYTS-GCNVSTY | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***……………., ngày …. tháng …. năm…...******.*** |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y**

**CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC CN VÀ THÚ Y THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Luật thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số ……………/QĐ-…………….. ngày …../…../….. của (1) ……………………………… quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (2)……………………………………………………….;

Căn cứ Báo cáo kết quả kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y số ……………..ngày …/…/…… của (3)…………………………………………..;

Căn cứ kết quả kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại phiếu báo kết quả thử nghiệm số ………………. ngày …../…../……. của (4)…………….. ………. …………………………,

**CHỨNG NHẬN:**

Tên cơ sở: ………………………………………………………………

Địa chỉ cơ sở: …………………………………………………………….

Điện thoại:………………………….. Fax:……………………………….

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh/doanh nghiệp số……………. thay đổi lần thứ……ngày……………….tại…………… hoặc Quyết định thành lập đơn vị số:……………………………………………………………………

Lĩnh vực hoạt động: ……………………………………………………..

Cơ sở bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y để………………………………….. …………………………………………………………………………………….

Giấy chứng nhận vệ sinh thú y có giá trị đến ngày ……/…../…..

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHI CỤC TRƯỞNG** |

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu 02: Đơn đăng ký chứng nhận điều kiện VSTY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày........... tháng.......... năm .........*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP   
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y**

Kính gửi: ...................................................

Cơ sở ......................................; được thành lập ngày:..................................

Trụ sở tại:........................................................................................................

Điện thoại:....................................Fax:............................................................

Giấy đăng ký hộ kinh doanh/Giấy đăng ký kinh doanh số: ...................; ngày cấp:..................... đơn vị cấp:........................ (đối với doanh nghiệp);

Hoặc Quyết định thành lập đơn vị số.....................ngày cấp..............; Cơ quan ban hành Quyết định.................................................

Lĩnh vực hoạt động:.............................................................

Công suất sản xuất/năng lực phục vụ:............................................................

Số lượng công nhân viên:................... (cố định:.....................; thời vụ:.................)

Đề nghị …………… *(tên cơ quan kiểm tra)* ………… cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y cho cơ sở.

Lý do cấp:

Cơ sở mới thành lập ;

Xin trân trọng cảm ơn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Gửi kèm gồm****:*  - Bản mô tả tóm tắt về cơ sở (Mẫu số 03). | **CHỦ CƠ SỞ**  *(Ký tên & đóng dấu)* |

**Mẫu 03: Đơn đăng ký chứng nhận điều kiện VSTY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày........... tháng.......... năm .........*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI   
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y**

Kính gửi: (tên Cơ quan Thú y có thẩm quyền cấp, cụ thể: Cục Thú y/Cơ quan quản lý chuyên ngành Thú y cấp tỉnh)

Cơ sở ......................................; được thành lập ngày:..................................

Trụ sở tại:........................................................................................................

Điện thoại:....................................Fax:............................................................

Giấy đăng ký hộ kinh doanh/Giấy đăng ký kinh doanh số: ...................; ngày cấp:..................... đơn vị cấp:........................ (đối với doanh nghiệp);

Hoặc Quyết định thành lập đơn vị số.....................ngày cấp..............; Cơ quan ban hành Quyết định.................................................

Lĩnh vực hoạt động:.............................................................

Công suất sản xuất/năng lực phục vụ:............................................................

Số lượng công nhân viên:................... (cố định:.....................; thời vụ:.................)

Đề nghị …………… *(tên cơ quan kiểm tra)* ………… cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y cho cơ sở.

Lý do cấp/cấp lại

Giấy chứng nhận ĐKVSTY hết hạn

Xin trân trọng cảm ơn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Gửi kèm gồm****:*  - Bản mô tả tóm tắt về cơ sở (Mẫu số 03). | **CHỦ CƠ SỞ**  *(Ký tên & đóng dấu)* |

**Mẫu 04: Bản mô tả tóm tắt về cơ sở**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập -Tự do-Hạnh phúc**

*……., ngày…… tháng….. năm……*

**MÔ TẢ TÓM TẮT VỀ CƠ SỞ**

**I- THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở:............................................................................................................

2. Mã số (nếu có):....................................................................................................

3. Địa chỉ:................................................................................................................

4. Điện thoại:……………. Fax: …………………. Email:.................................................

5. Năm bắt đầu hoạt động:.......................................................................................

6. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:....................................

7. Công suất thiết kế:..............................................................................................

**II. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ**

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh .................. m2, trong đó:

+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu đầu vào: .............................. m2

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh : ............................................. m2

+ Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: .................................. m2

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : .................................. m2

- Sơ đồ bố trí mặt bằng của cơ sở:

2. Trang thiết bị chính:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên thiết bị** | **Số lượng** | **Nước sản xuất** | **Tổng công suất** | **Năm bắt đầu sử dụng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Nước máy công cộng* |  | *Nước giếng khoan* |  |
| *Hệ thống xử lý:          Có* |  | *Không* |  |

Phương pháp xử lý: ……………………………………………………………..

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:…………………………………………

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: ……………………………… người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: ………………người.

+ Lao động gián tiếp: ………………người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: ….. người; trong đó ……… của cơ sở và ……… đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, khử trùng sử dụng:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên hóa chất | Thành phần chính | Nước sản xuất | Mục đích sử dụng | Nồng độ |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,…..)

9. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ***ĐẠI DIỆN CƠ SỞ*** (Ký tên, đóng dấu) |